

Yên Lập, ngày 04 tháng 9 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 01/7/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư ; Luật Hải quan ; Luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư ; Luật đầu tư công, Luật quản lý sử dụng tài sản công ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Trung tâm y tế khu vực Yên Lập có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị: Trung tâm y tế khu vực Yên Lập
- Địa chỉ: Trung Ngãi, xã Yên Lập, tỉnh Phú Thọ

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Tổ Tư vấn lựa chọn nhà thầu, Trung tâm y tế khu vực Yên Lập
- Số điện thoại: 02106 589 589
- Email: ttytyenlap@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm y tế khu vực Yên Lập, khu Trung Ngãi, xã Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.
- Nhận qua email: ttytyenlap@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 04 tháng 9 năm 2025 đến trước 17h ngày 15 tháng 9 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất để xác định định lượng bilirubin toàn phần (DMSO làm chất xúc tác) trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R1- Total bilirubin (Sulfanilic acid: 30 mmol/L, DMSO: 7 mol/L, Hydrochloric acid: 130 mmol/L); R3- Total and direct bilirubin (Sodium Nitrite: 0.74 mmol/L). Dải tuyến tính: TB từ 0.45 đến 20 mg/dL Giới hạn phát hiện: TB khoảng 0.28 mg/dL Độ nhạy tính toán cho 1 mg/dL: TB khoảng 0.0853 abs C.V% độ lặp lại (TB) ≤ 2.5 % C.V% độ tái lặp (TB) ≤ 4.9 % Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	4	Hộp
2	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất để xác định định lượng bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R2- Direct bilirubin (Sulfanilic acid: 30 mmol/L, Hydrochloric acid: 130 mmol/L); R3- Total and direct bilirubin (Sodium Nitrite: 0.74 mmol/L). Dải tuyến tính: DB từ 0.60 đến 8.0 mg/dL. Giới hạn phát hiện: DB khoảng 0.01 mg/ dL. Độ nhạy tính toán cho 1 mg/dL: DB khoảng 0.0819 abs. C.V% độ lặp lại (DB) ≤ 2.8 % C.V% độ tái lặp (DB) ≤ 3.5 % Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	4	Hộp
3	Hoá chất định lượng Triglycerid	Hóa chất để xác định định lượng hoạt tính của Triglycerides (TRI) trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R1- TRI thuốc thử (PIPES: 100 mmol/L, Magnesium chloride: 9.8 mmol/L, Chloro-4-phenol: 3.5 mmol/L, Lipase ≥ 1000 IU/L, Peroxydase ≥ 1700 IU/L, Glycerol 3 phosphate oxidase ≥ 2000 IU/L, Glycerol Kinase ≥ 1000 IU/L, 4-Amino-antipyrine : 0.5 mmol/L, Adenosine triphosphate Na: 1.3 mmol/L, Clearing Agent: 1.5 mmol/L); R2- Chất chuẩn Etalon (Triglycerides 2g/L). Dải tuyến tính: từ 10 đến 1000mg/dL. Giới hạn phát hiện: khoảng 6 mg/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.00018 abs cho 1 mg/dL. C.V% độ lặp lại ≤ 1.6 % C.V% độ tái lặp ≤ 2.9 % Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	4	Hộp
4	Hóa chất định lượng Glucose	Hóa chất để xác định định lượng của Glucose trong huyết thanh và huyết tương người, nước tiểu hoặc dịch tủy não (CSF).	5	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
		Thành phần: R1- GLUCOSE GOD PAP Thuốc thử (Phosphate đệm 150 mmol/L, Glucose oxidase (GOD) : ≥ 20000 UI/L, Peroxidase (POD): ≥ 1000 UI/L, 4-Amino-antipyrine (PAP): 0.8 mmol/L, Chloro-4-phenol: 2 mmol/L); R2- GLUCOSE GOD PAP Chất chuẩn (Glucose 100 mg/dL (5.55 mmol/L)). Dải tuyến tính: từ 8 đến 500 mg/dL Giới hạn phát hiện: khoảng 2 mg/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.060 abs/phút cho 10 mg/dL. C.V% độ lặp lại ≤ 1.9 % C.V% độ tái lặp ≤ 2.0 % Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 :2016		
5	Hoá chất đo hoạt độ Amylase	Hóa chất để xác định định lượng α -amylase trong huyết thanh và huyết tương hoặc nước tiểu người. Thành phần: R1- AMYLASE CNPG3 Chất đệm (Calcium Acetate: 6.0 mmol/L, MES Buffer pH 6.0 tại 25 độ C: 100 mmol/L, Chất bảo quản); R2- AMYLASE CNPG3 Chất nền (CNPG3: 2.25 mmol/L, Potassium thiocyanate: 900 mmol/L, NaCl: 350 mmol/L). Dải tuyến tính: từ 6 đến 2000 IU/L. Giới hạn phát hiện: khoảng 3 IU/L. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.003 Abs/phút cho 10 IU/L tại bước sóng 405nm. C.V% độ lặp lại ≤ 2.5. C.V% độ tái lặp ≤ 2.2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	2	Hộp
6	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần	Hoá chất để xác định định lượng Cholesterol toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R1- CHOLESTEROL CHOD PAP Thuốc thử (Phosphate đệm: 100 mmol/L, Chloro-4-phenol: 5 mmol/L, Sodium cholate: 2.3 mmol/L, Triton x 100: 1.5 mmol/L, Cholesterol oxydase ≥ 100 IU/L, Cholesterol esterase ≥ 170 IU/L, Peroxydase ≥ 1200 IU/L, 4-Amino-antipyrine: 0.25 mmol/L, PEG 6000: 167 μmol/L, Chất bảo quản); R2- CHOLESTEROL CHOD PAP Chất chuẩn (Cholesterol 200 mg/dL (5.17 mmol/L)). Dải tuyến tính: từ 9 đến 500 mg/dL Giới hạn phát hiện: khoảng 2 mg/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.3246 abs cho 100 mg/dL. C.V% độ lặp lại ≤ 2.6 % C.V% độ tái lặp ≤ 2.3 % Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 :2016	10	Hộp
7	Hoá chất định lượng Urea	Hoá chất để xác định định lượng ure trong huyết thanh và huyết tương hoặc nước tiểu người. Thành phần: R1- UREA Enzyme đệm (Tris pH 7.9 ± 0.1 tại 30 độ C: 100 mmol/L, Urease ≥ 17000 IU/L, GLDH ≥ 700 IU/L, Oxoglutarate: 6.5 mmol/L, Chất bảo quản); R2- UREA Coenzyme (NADH ≥ 1.5 mmol/L, Chất bảo quản); R3- UREA Chất chuẩn (Urea: 40 mg/dL(6.66 mmol/L)). Dải tuyến tính: từ 11 đến 250 mg/dL.	2	Hộp

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
		Giới hạn phát hiện: khoảng 1.7 mg/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.0012 abs/phút cho 1 mg/dL. C.V% độ lặp lại $\leq 3.5\%$ C.V% độ tái lặp $\leq 3.3\%$ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016		
8	Hoá chất định lượng CRP	Hoá chất dùng để xác định định lượng C-Reactive Protein (CRP) trong huyết thanh người. Thành phần: R1- CRP TIA Chất đệm (Nước muối đệm phosphate pH 7.43, Polyethylene glycol: 40 g/L, Natri azide: 0.95 g/L); R2- CRP TIA Anti-CRP (Nước muối đệm phosphate pH: 7.43, CRP kháng nhân đa dòng (dê), Natri azide: 0.95 g/L). Dải tuyến tính: từ 0.4 mg/dL đến 24.8 mg/dL. Giới hạn phát hiện: 0.26 mg/dL C.V% độ lặp lại $\leq 6.3\%$ C.V% độ tái lặp $\leq 5.0\%$ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	6	Hộp
9	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	Hoá chất để xác định định lượng protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R1- TOTAL PROTEIN Thuốc thử (Natri hydroxit: 370 mmol/L, Na-K Tartrate: 10 mmol/L, Kali iodide: 3 mmol/L, Đồng II sunfat: 3 mmol/L); R2- TOTAL PROTEIN Chất chuẩn (Bovine Albumin 6g/dL). Dải tuyến tính: từ 0.7 đến 8.0 g/dL Giới hạn phát hiện: khoảng 0.01 g/dL. Độ nhạy phân tích: khoảng 0.057 abs (1 g/dL). C.V% độ lặp lại $\leq 0.96\%$ C.V% độ tái lặp $\leq 1.68\%$ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	5	Hộp

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Đơn vị cung ứng phải đáp ứng các yêu cầu về vận chuyển, bảo quản và giao hàng tại khoa Dược -VTYT Trung tâm y tế khu vực Yên Lập.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong tháng 9 năm 2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Sau khi hoàn thành công việc thì thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HĐKH, TCKT, KD-VTYT.

GIÁM ĐỐC



Lê Công Bình

PHỤ LỤC
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
 - (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.